

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-TCCB

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

V/v công khai danh mục tài liệu ôn tập nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2) kỳ tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026)

Kính gửi:

- Văn phòng Sở;
- Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng chống tệ nạn xã hội.

Sở Y tế nhận được Quyết định số 956/QĐ-SNV ngày 28/5/2026 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt danh mục tài liệu ôn tập nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2) kỳ tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026). (Có Quyết định kèm theo)

Sở Y tế đề nghị Văn phòng Sở, Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng chống tệ nạn xã hội đăng tải công khai Quyết định số 956/QĐ-SNV ngày 28/5/2026 của Sở Nội vụ trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NVD SYT;
- Lưu: VT, TCCB_{P,H}

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Diện

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2026

Số: 956/QĐ-HĐTD

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục tài liệu ôn tập nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2) kỳ tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026)

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC (ĐỢT 1 NĂM 2026)

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Kế hoạch số 2358/KH-SNV ngày 09/4/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về việc xét tuyển vào công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026);

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-SNV ngày 14/4/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026);

Theo đề nghị của Văn phòng UBND Thành phố và các Sở: Công thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Quy hoạch và Kiến trúc, Tài chính, Xây dựng, Y tế và Thư ký Hội đồng tuyển dụng vào công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt mã nhóm chuyên ngành, danh mục tài liệu ôn tập nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2) kỳ xét tuyển công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026), cụ thể như sau:

- Mã nhóm chuyên ngành (Phụ lục I kèm theo)
- Danh mục tài liệu ôn tập nghiệp vụ chuyên ngành (Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026); các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch HĐTD;
- Các Phó Chủ tịch HĐTD
- Ủy viên HĐTD;
- Thanh tra Thành phố (*Ban Giám sát các kỳ tuyển dụng công chức năm 2026*);
- Ban biên tập website SNV: Đăng công khai trên trang web sonoi.vu.hanoi.gov.vn;
- Lưu: VT, HĐTD(Dùng).

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Nguyễn Minh Long**

Phụ lục I
MÃ NHÓM CHUYÊN NGÀNH KỶ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC SỞ, CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG SỞ;
UBND XÃ PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI (ĐỢT 1 NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số 956/QĐ-SNV ngày 27/5/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở;
UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026))

Mã vị trí	Đơn vị tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Mã nhóm chuyên ngành
	TỔNG CỘNG				
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH				
1	Văn phòng UBND Thành phố				
1,1	Phòng Tổng hợp	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	Đại học, ngành: Tài chính – Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật; Tài chính – Thương mại quốc tế; Kinh tế; Hành chính; Quản lý kinh tế; Lưu trữ Quản trị văn phòng; Chính sách công, Báo chí; Bảo hiểm; Kiến trúc..	VP
1,2	Phòng Nội chính	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	Đại học, ngành: Luật; Kinh tế; Quan hệ quốc tế; Quản lý công; Công nghệ thông tin; Chính trị; Báo chí; Chính trị học; Thông tin thư viện.	VP
1,3	Phòng Khoa giáo - Văn xã	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	Đại học, ngành: Quản lý hành chính công; Kinh tế; Quản lý nhà nước; Báo chí; Kỹ sư nông nghiệp; Y khoa; Quản trị kinh doanh quốc tế; Công nghệ thông tin; Luật; Văn hóa; Kinh tế.	VP
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường				
	<i>Khối Văn phòng Sở</i>				
2,1	Phòng Quản lý Chất thải rắn	Chuyên viên quản lý môi trường	Chuyên viên	Đại học, ngành: Môi trường; Quản lý tài nguyên và Môi trường.	MT-NN
3	Sở Xây dựng				
3,1	Phòng Phát triển đô thị	Chuyên viên Quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Đại học, ngành: Quản lý đô thị; Kiến trúc	QHKT
3,2	Phòng Tài chính - Đầu tư	Chuyên viên về Quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên	Đại học, ngành: Quản lý xây dựng; Quản lý đô thị	QHKT
4	Sở Khoa học và Công nghệ				
4,1	Phòng Kinh tế số và Xã hội số	Chuyên viên về Quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên	Đại học, ngành: - Máy tính và công nghệ thông tin: Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin. - Công nghệ kỹ thuật: Kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CNTT-KHCN
4,2	Phòng Đổi mới sáng tạo và Sở hữu trí tuệ	Chuyên viên về Sở hữu trí tuệ	Chuyên viên	Đại học, ngành: Luật, Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kiến trúc và Xây dựng; Nông, Lâm và Thủy sản; Khoa học Vật chất.	KHCN-KHCN
5	Sở Giáo dục và Đào tạo				
5,1	Văn phòng Sở	Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học, ngành: Công nghệ thông tin; Máy tính.	CNTT-KHCN

Mã vị trí	Đơn vị tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Mã nhóm chuyên ngành
6	Sở Y tế				
6.1	Phòng Nghiệp vụ Dược Sở Y tế	Chuyên viên về Dược	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Dược	DUOC-YT
7	Sở Quy hoạch - Kiến trúc				
7.1	Phòng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên	Đại học, ngành: Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật cấp thoát nước.	QHKT
8	Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố				
8.1	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chuyên viên	Đại học, ngành: Khoa học sự sống; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ (kỹ thuật) hóa học; vật liệu, luyện kim và môi trường; Khoa học vật liệu; Quản lý Khoa học và Công nghệ.	KHCN-KHCN
8.3	Phòng Hợp tác và Đầu tư	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	Đại học, ngành: Quản lý đầu tư, Quản lý kinh tế, Kinh tế đầu tư, Luật.	KH
C	KHỐI XÃ, PHƯỜNG				
1	Phường Kim Liên				
	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	Chuyên viên lĩnh vực công thương: quản lý tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại	Chuyên viên	Đại học, ngành: Kinh tế; Thương mại; Quản trị kinh doanh; Tài chính.	CT
2	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám				
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị	Chuyên viên lĩnh vực công thương: quản lý tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại	Chuyên viên	Đại học, ngành: Kinh tế; Quản trị kinh doanh.	CT
3	Phường Láng				
	Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị	Chuyên viên về quản lý quy hoạch, xây dựng, kiến trúc	Chuyên viên	Đại học, ngành: Quy hoạch đô thị; Kiến trúc; Xây dựng dân dụng - công nghiệp; Quản lý đô thị; quản lý đất đai; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đối với vị trí quy hoạch quản lý, xây dựng, kiến trúc	QHKT
4	Phường Long Biên				
	Phòng Văn hóa - Xã hội	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính	Chuyên viên	Đại học, ngành: Luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	NV
5	Xã Ba Vì				
	Phòng Kinh tế	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị	Chuyên viên	Đại học, ngành: Đầu tư - Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng	XD
6	Xã Thuận An				
	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên về ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyên đổi số;	Chuyên viên	Đại học, ngành: Công nghệ thông tin	CNTT-KHCN
7	Phường Hoàng Liệt				
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Chuyên viên về phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị	Chuyên viên	Đại học, ngành: Quy hoạch đô thị, Kinh tế xây dựng, Kinh tế đầu tư; Quản lý đất đai	XD

Ghi chú: Nhóm chuyên ngành: Văn phòng (VP); Môi trường (MT-NN); Xây dựng (XD); Công nghệ thông tin (CNTT-KHCN); Khoa học công nghệ (KHCN-KHCN); Dược (DUOC-YT); Quy hoạch kiến trúc (QHKT); Công thương (CT); Kế hoạch (KH); Nội vụ (NV).

PHỤ LỤC II
DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2) KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LÀM VIỆC TẠI CÁC SỞ, CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG SỞ; UBND XÃ,
PHƯỜNG THUỘC UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (ĐỢT 1 NĂM 2026)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 956/QĐ-HĐTD ngày 27/5/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026))

I. Nhóm chuyên ngành Văn phòng (Mã: VP)

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, gồm các Điều: 11, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 20, 39, 40.
2. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
3. Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, gồm các Điều: 4, 21.
4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đợt phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gồm các mục: I, II.
5. Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, gồm: Phần II, Mục 1; Phần II, Mục 2; Phần III, các Mục 1, 3, 5, 7, 9; Phần IV, các Mục 1, 5, 8.
6. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025, gồm các Điều: 3, 4.
7. Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 về Quy chế làm việc của UBND Thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 27, 39, 40, 41, 42.
8. Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 1, 2, 3 (riêng Điều 2 tập trung các nhiệm vụ: tham mưu chương trình công tác; phục vụ họp UBND; ban hành thông báo kết luận; theo dõi, đôn đốc; tổng hợp báo cáo; xử lý kiến nghị cử tri; chuyển đổi số, cải tiến phương thức làm việc).
9. Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND thành phố Hà Nội. *(Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển).*

II. Nhóm chuyên ngành Môi trường (Mã: MT-NN)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 4, 5, 6, 164, 168.
3. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm các Điều: 56, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72.
4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm các Điều: 26, 27, 28.
5. Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
6. Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.
7. Quyết định số 496/QĐ-SNNMT ngày 05/3/2026 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

III. Nhóm chuyên ngành Xây dựng (Mã: XD)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, gồm Mục II, III (III.1, III.2).
3. Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, gồm các Điều: 16, 17, 18, 19, 20, 23, 24, 25, 32, 33, 35, 39, 40.
4. Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, gồm các Điều: 27, 29, 75, 80.
5. Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, gồm các Điều: 22, 23.
6. Quyết định 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 2, 3, 4, 5, 18.
7. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ, gồm các Điều: 11, 12; khoản 3 Điều 15;

8. Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội, tại Phụ lục số 03.

9. Quyết định số 2461/QĐ-SXD ngày 09/10/2025 của Sở Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng Tài chính – Đầu tư thuộc Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; Quyết định số 2491/QĐ-SXD ngày 15/10/2025 của Sở Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng Phát triển đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

IV. Nhóm chuyên ngành công nghệ thông tin (Mã: CNTT-KHCN)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.

2. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gồm các mục: I, II.

3. Luật Dữ liệu năm 2024 số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024, gồm các Điều: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28.

4. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 số 134/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 7, 17, 27, 30.

5. Luật Chuyển đổi số năm 2025 số 148/2025/QH15, gồm các Điều: 15, 31, 40, 41.

6. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 số 20/2023/QH15, gồm các Điều: 7, 8, 9, 10, 11, 22, 23.

7. Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01/7/2025 ban hành Danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, phần Phụ lục.

8. Quyết định số 254/QĐ-SKHCN ngày 24/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Kinh tế số và Xã hội số thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

V. Nhóm chuyên ngành Khoa học công nghệ (Mã: KHCN-KHCN)

1. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 số 93/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 5, 6, 7, 14, 21, 25, 28, 71 (khoản 7).

2. Luật Sở hữu trí tuệ (Văn bản hợp nhất: 155/VBHN-VPQH ngày 09/9/2025 của Văn phòng Quốc hội), gồm các Chương: VII (mục 1, 4, 6); IX (mục 1); X (mục 2, 3); XI.

3. Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm các Điều: 3, 4, 6, 7.

4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gồm các mục: I; II.

5. Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030, gồm Mục III.

6. Quyết định số 259/QĐ-SKHCN ngày 26/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Đổi mới sáng tạo và Sở hữu trí tuệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 42/QĐ-CNCCN ngày 14/3/2025 của Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Khoa học và Công nghệ thuộc Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

VI. Nhóm chuyên ngành Dược (Mã: DUOC-YT)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.

2. Văn bản hợp nhất số 76/VBHN-VPQH ngày 25/3/2026 hợp nhất Luật Dược, gồm các Điều: 4, 29, 108, 112.

3. Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược, gồm các Chương: II, III.

4. Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BYT ngày 28/7/2025 của Bộ Y tế hợp nhất Thông tư quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

5. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BYT ngày 28/7/2025 của Bộ Y tế hợp nhất Thông tư quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

6. Quyết định số 2258/QĐ-SYT ngày 28/10/2025 của Sở Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng và tương đương thuộc Sở Y tế thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

VII. Nhóm chuyên ngành Quy hoạch kiến trúc (Mã: QHKT)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Luật xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025, gồm các Điều: 5, 17, 18, 43, 47.
3. Luật quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 20, 21, 23.
4. Luật kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019, gồm các Điều: 10, 11, 13, 14.
5. Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009, gồm các Điều: 37, 38.
6. Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-VPQH ngày 13/3/2026 của Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, gồm các Điều: 1, 2, 7, 8, 14, 15, 17, 21, 25, 26, 38, 39, 40, 41, 45, 46, 47, 48, 50, 55.
7. Quyết định số 2840/QĐ-QHKT ngày 05/5/2026 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội; Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

VIII. Nhóm chuyên ngành Công thương (Mã: CT)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 Chính phủ, gồm các Điều: 1, 3, 4, 5, 6, 8, 13.
3. Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND Thành phố về ban hành “ Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 14, 18, 20, 22, 24.
4. Luật thương mại năm 2005 số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23.
5. Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, gồm các Điều: 1, 2, 13, 14, 15, 16, 17.
6. Nghị định 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính Phủ về phát triển và quản lý chợ, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.
7. Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

IX. Nhóm chuyên ngành Kế hoạch (Mã: KH)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025, gồm các Điều: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37.
3. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, gồm các Điều: 4, 5, 6, 9, 10, 11, 18, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 34, 37, 38, 44, 49, 57.
4. Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, gồm các Điều: 2, 4, 10, 15, 16, 34, 35, 46, 47, 48, 63 (*có sửa đổi, bổ sung tại Luật 57/2024/QH15 ngày về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*).
5. Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, gồm các Điều: 35, 36, 37, 38, 39, 43, 47, 49, 51, 52, 54.
6. Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư công; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ, gồm các Điều: 1, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 22, 23, 24, 25, 28, 31, 32.
7. Quyết định số 40/QĐ-CNCCN ngày 14/3/2025 của Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Hợp tác và Đầu tư thuộc Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

X. Nhóm chuyên ngành Nội vụ (Mã: NV)

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, gồm các Điều: 4, 7, 25, 56, 39, 40.
2. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
3. Luật Viên chức số 129/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 39, 40.
4. Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 282/Q Đ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ: Mục I, Mục II.
5. Nghị định 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính, gồm các Điều: 10, 11, 13, 14.
6. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung

ương; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ, gồm các Điều: 11, 12; khoản 3 Điều 15;

7. Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

Chú ý: Tài liệu quy định chức năng, nhiệm vụ phòng thuộc cơ quan, đơn vị dự tuyển xem tại link

[https://drive.google.com/drive/folders/1DQI0s4-A3yxVVzTcYUWWSG9qstODV-k5?usp=drive link](https://drive.google.com/drive/folders/1DQI0s4-A3yxVVzTcYUWWSG9qstODV-k5?usp=drive_link)

Hoặc quét mã QR sau:

